

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST

Ngày 01/7/2020

V/v: “*Xin ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hằng
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông: Trần Văn Phước
 2. Bà: Phan Thị Thu Thảo
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đoàn Ngọc Sơn – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Bà Trần Hiền Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 01/7/2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020, về việc: “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/6/2020 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Lê Thị Minh H**, sinh năm: 1990. Có mặt.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Bị đơn: **Võ Trường G**, sinh năm: 1988. Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Lê Thị Minh H trình bày:

Chị và anh Võ Trường G tự nguyện kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị và anh G không cùng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi vã và không quan tâm lẫn nhau. Chị nhiều lần tạo cơ hội và động viên khuyên giải để hòa hợp nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn nên đã ly thân từ tháng 10/2012 cho đến nay. Nay, chị nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên xin ly hôn với anh G.

Trong thời gian chung sống chị và anh G có 01 con chung tên Võ Minh S, sinh ngày 04/8/2009 hiện đang sống với chị, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Võ Trường G vắng mặt tại tòa nhưng có lời trình bày tại biên bản làm việc ngày 03/6/2020 như sau:

Anh và chị Lê Thị Minh H kết hôn vào khoảng năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến

năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm nên vợ chồng xảy ra gây gỗ, không có tiếng nói chung. Chị H dẫn con về nhà mẹ ruột sống và đã ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay, chị H xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Anh và chị H có 01 con chung tên Võ Minh S, sinh ngày 04/8/2009 hiện đang sống với chị H, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con. Anh đồng ý theo yêu cầu của chị H.

Tài sản chung, nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/8/2000. Chấp nhận yêu cầu của chị Lê thị Minh H đối với anh Võ Trường G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự phát biểu tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Võ Trường G có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Xét thấy, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ kiện: Chị Lê thị Minh H và anh Võ Trường G tự nguyện kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm trong cuộc sống nên anh chị đã ly thân cho đến nay. Chị H cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị nhiều lần động viên khuyên giải và tạo điều kiện để vợ chồng hòa hợp nhưng không có kết quả. Nay, chị H khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng nên xin ly hôn với anh G. Anh G cũng đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nhưng do bận công việc nên anh xin vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy rằng, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nhưng do anh G vắng mặt tại tòa nên Hội đồng xét xử không thể ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị được mà căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho anh G và chị H được ly hôn.

[3] Trong quá trình chung sống, anh G và chị H có 01 con chung tên Võ Minh Sơn, sinh ngày 04/8/2009 cho nên cần xem xét đến vấn đề nuôi dưỡng. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con, anh G đồng ý. Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn không những là quyền mà còn là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Từ khi ly thân đến nay chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cháu S được chị H quan tâm chăm sóc tốt không thấy có vi phạm gì, hiện cháu S cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Để đảm bảo cho đời sống của con sau này và để không làm xáo trộn cuộc sống của con chưa thành niên nên ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự. Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi tròn 18 tuổi là phù hợp. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh G khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Minh H đối với anh Võ Trường G.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Minh H và anh Võ Trường G được ly hôn.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Minh H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là Võ Minh S, sinh ngày 04/8/2009 cho đến khi cháu S tròn 18 tuổi. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh G khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009871 ngày 23/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Chị H đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt tại tòa có quyền làm đơn kháng cáo, bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND nơi cư trú của bị đơn để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND T. Bến Tre;
- VKS H. Châu Thành;
- THADS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng

